

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 683/2019/TLST/HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Thanh T, sinh năm 1993; địa chỉ: Lô B16 khu tái định cư Phú H1 - Phú H, phường Phú H1, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị đơn: Anh Tôn Thất T1, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 01 kiệt 137 đường Đinh Tiên H, phường Thuận L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 01 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 01 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị Thanh T và anh Tôn Thất T1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Thanh T và anh Tôn Thất T1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Phan Thị Thanh T và anh Tôn Thất T1 có 01 con chung là cháu Tôn Nữ Na V, sinh ngày 24/6/2019; hiện nay cháu V đang do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị Phan Thị Thanh T và anh Tôn Thất T1 thoả thuận như sau: Giao cháu Tôn Nữ Na V, sinh ngày 24/6/2019 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Tôn Nữ Na V trưởng thành, đủ 18 tuổi; anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung là cháu Tôn Nữ Na V mỗi tháng 2.000.000đồng (Hai triệu đồng/tháng) kể từ ngày Quyết định của Tòa

án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Tôn Nữ Na V trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phan Thị Thanh T và anh Tôn Thất T1 không có tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí:

+ Về án phí ly hôn: Chị Phan Thị Thanh T và anh Tôn Thất T1, mỗi người phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, chị T và anh T1 thỏa thuận chị T chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/008973 ngày 10/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hoàn trả lại cho chị Phan Thị Thanh T số tiền chênh lệch án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Về án phí cấp dưỡng: Anh Tôn Thất T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nên phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- UBND phường Thuận L, thành phố H;
- (Chị T và anh T1 ĐKKH số 31 ngày 02/4/2019)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án án.

THẨM PHÁN

Huỳnh Trọng Cẩn